

**BỘ CÔNG NGHIỆP****BỘ CÔNG NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2006/TT-BCN

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2006

**THÔNG TƯ****Hướng dẫn thực hiện giá bán điện**

*Căn cứ Nghị định số 55/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công nghiệp;*

*Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Nghị định số 105/2005/NĐ-CP ngày 17 ngày 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực;*

*Căn cứ Quyết định số 276/2006/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về giá bán điện; Quyết định số 45/2006/QĐ-BCN ngày 14 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về giá bán buôn điện nông thôn và giá bán buôn điện cho khu tập thể, cụm dân cư;*

*Sau khi trao đổi thống nhất với Bộ Tài chính, Bộ Công nghiệp hướng dẫn thực hiện giá bán điện như sau:*

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Thông tư này hướng dẫn thi hành Quyết định số 276/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về giá bán điện (sau đây gọi là Quyết định 276/2006/QĐ-TTg), Quyết định số 45/2006/QĐ-BCN ngày 14 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, về giá bán buôn điện nông thôn và giá bán buôn điện cho khu tập thể, cụm dân cư (sau đây gọi là Quyết định 45/2006/QĐ-BCN).

2. Giá bán lẻ điện quy định tại khoản a, khoản b Điều 3 Quyết định 276/2006/QĐ-TTg và Giá bán buôn điện nông thôn, giá bán buôn điện cho khu tập thể, cụm dân cư quy định tại Quyết định 45/2006/QĐ-BCN áp dụng cho các đối tượng có ký hợp đồng mua bán điện trực tiếp với các đơn vị bán điện từ hệ thống điện quốc gia. Giá bán điện theo các tiêu chuẩn chất lượng điện quy định tại Nghị định số 105/2005/NĐ-CP ngày

17 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực.

3. Việc ký kết hợp đồng mua bán điện thực hiện theo quy định của Luật Điện lực và các quy định hiện hành khác.

4. Giá bán điện phải áp dụng theo đúng đối tượng và mục đích sử dụng điện theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Bên mua điện có trách nhiệm kê khai đúng mục đích sử dụng điện để tính giá bán điện theo quy định của Thông tư này.

Nếu Bên mua điện thay đổi mục đích sử dụng điện dẫn đến thay đổi giá phải thông báo cho Bên bán điện trước 15 ngày để điều chỉnh đối tượng áp giá trong hợp đồng. Bên bán điện kiểm tra và kịp thời áp dụng giá bán điện theo đúng đối tượng quy định.

Trường hợp áp dụng giá sai đối tượng sử dụng điện dẫn tới gây thiệt hại cho Bên mua hoặc Bên bán điện sẽ phải truy thu hoặc thoái hoàn tiền điện. Trường hợp không xác định rõ thời điểm áp dụng sai giá sẽ tính với thời gian là 12 tháng kể từ thời điểm phát hiện trở về trước.

5. Khi Bên mua điện sử dụng điện cho nhiều mục đích khác nhau với mức giá khác nhau thì Bên bán điện phải lắp công tơ đo đếm điện riêng cho từng loại giá; trường hợp chưa lắp được công tơ

riêng thì hai bên mua, bán điện căn cứ vào tình hình thực tế sử dụng điện để thỏa thuận tỷ lệ điện sử dụng cụ thể theo mỗi loại giá và đưa vào hợp đồng mua bán điện.

6. Trường hợp Bên mua điện sử dụng điện trong thời gian công tơ điện bị mất hoặc ngừng hoạt động thì sản lượng điện sử dụng được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định 105/2005/NĐ-CP của Chính phủ và trong Hợp đồng mua bán điện. Giá điện áp dụng theo mục đích sử dụng điện ghi trong hợp đồng mua bán điện. Riêng với đối tượng áp dụng hình thức ba giá, giá bán điện là giá bình quân của ba chu kỳ ghi chỉ số công tơ liền kề trước đó, trường hợp không đủ ba chu kỳ thì áp dụng theo giá giờ bình thường.

7. Giá bán lẻ điện do đơn vị phát điện độc lập bán trực tiếp cho tổ chức, cá nhân sử dụng điện thực hiện theo quy định tại điểm c Điều 3 Quyết định 276/2006/QĐ-TTg.

8. Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "*Bên mua điện*" là tổ chức, cá nhân có ký hợp đồng mua điện của Bên bán điện để trực tiếp sử dụng hoặc bán lại cho tổ chức, cá nhân khác.

b) "*Bên bán điện*" là các đơn vị bán buôn và bán lẻ điện có giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực bán buôn và bán lẻ điện.

## II. GIÁ BÁN LẺ ĐIỆN THEO CẤP ĐIỆN ÁP VÀ THEO THỜI GIAN SỬ DỤNG TRONG NGÀY

### 1. Giá bán điện theo cấp điện áp

Giá bán lẻ điện theo cấp điện áp được quy định tại Quyết định số 276/2006/QĐ-TTg áp dụng đối với tất cả các Bên mua điện, trừ các Bên mua điện theo giá bán lẻ điện sinh hoạt, giá bán buôn điện cho nông thôn, khu tập thể, cụm dân cư.

Hệ thống đo đếm điện đặt ở cấp điện áp nào thì tính giá bán điện theo giá quy định tại cấp điện áp đó.

### 2. Giá bán điện theo thời gian sử dụng trong ngày

2.1. Giá bán điện được quy định theo thời gian sử dụng điện trong ngày (*dưới đây gọi là hình thức ba giá*).

a) Thời gian sử dụng điện trong ngày để áp dụng hình thức ba giá được quy định như sau:

- Giờ bình thường: từ 04 giờ 00 đến 18 giờ 00 (*14 giờ*)
- Giờ cao điểm: từ 18 giờ 00 đến 22 giờ 00 (*04 giờ*)
- Giờ thấp điểm: từ 22 giờ 00 đến 04 giờ 00 (*6 giờ*) sáng ngày hôm sau.

b) Giá bán điện theo hình thức ba giá được áp dụng với các đối tượng sau:

- Bên mua điện sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, được cấp

điện qua máy biến áp chuyên dùng từ 25 kVA trở lên hoặc có sản lượng điện sử dụng trung bình ba tháng liên tục từ 2000 kWh/tháng trở lên;

- Bên mua điện sử dụng vào mục đích bơm tưới tiêu phục vụ sản xuất lúa, rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày xen canh.

c) Khuyến khích mua điện theo hình thức ba giá đối với Bên mua điện sử dụng điện vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ có máy biến áp và sản lượng điện sử dụng dưới mức quy định nêu trên;

Bên bán điện có trách nhiệm tạo điều kiện, hướng dẫn để Bên mua điện được lắp công tơ ba giá.

2.2. Bên bán điện phải chuẩn bị đủ công tơ đo đếm điện để lắp đặt cho Bên mua điện thuộc đối tượng áp dụng hình thức ba giá. Trong khi Bên bán điện chưa có điều kiện lắp đặt công tơ ba giá thì áp dụng giá bán điện theo giờ bình thường.

2.3. Trường hợp Bên bán điện có đủ điều kiện lắp đặt công tơ ba giá và có thông báo trước bằng văn bản cho Bên mua điện thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng hình thức ba giá về kế hoạch lắp đặt công tơ ba giá, Bên mua điện có trách nhiệm phối hợp với Bên bán điện để thực hiện việc lắp đặt công tơ ba giá.

Trong trường hợp Bên mua điện thuộc

đối tượng bắt buộc áp dụng hình thức ba giá từ chối thực hiện việc lắp đặt công tơ ba giá và đã được Bên bán điện thông báo ba lần thì sau 15 ngày kể từ ngày thông báo đầu tiên, Bên bán điện được áp dụng giá bán điện giờ cao điểm cho toàn bộ sản lượng điện tiêu thụ cho đến khi lắp đặt công tơ ba giá.

2.4. Trường hợp Bên mua điện thuộc đối tượng áp dụng hình thức ba giá có các tổ chức, cá nhân dùng chung công tơ không thuộc đối tượng áp dụng hình thức ba giá thì Bên bán điện phải tách riêng công tơ của các tổ chức, cá nhân này thành hộ chính để ký hợp đồng mua bán điện trực tiếp.

Nếu vì điều kiện kỹ thuật mà chưa tách riêng hợp đồng đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng điện chung công tơ thì Bên bán điện lắp công tơ ba giá cho các tổ chức, cá nhân này để khấu trừ điện

năng theo thực tế sử dụng. Trường hợp chưa lắp được công tơ ba giá cho các tổ chức, cá nhân dùng chung công tơ thì áp dụng giá điện giờ bình thường.

*Ví dụ:* Bên mua điện là Nhà máy A có máy biến áp dung lượng 560 kVA thuộc đối tượng áp dụng hình thức ba giá nhưng có các tổ chức, cá nhân dùng chung công tơ không thuộc đối tượng này, bao gồm:

- Khu tập thể nhà máy sử dụng điện cho sinh hoạt áp dụng giá bán buôn điện sinh hoạt.

- Trường dạy nghề B áp dụng giá bán điện đối với cơ quan hành chính sự nghiệp.

Các đơn vị dùng chung này được lắp công tơ ba giá để khấu trừ nên sản lượng giá theo thời gian ngày của nhà máy A được tính như sau:

Đơn vị tính: kWh

	Giờ bình thường	Giờ cao điểm	Giờ thấp điểm
1. Điện sử dụng chung (theo công tơ)	7.856.000	2.150.000	3.450.000
2. Điện sử dụng của trường dạy nghề B (theo công tơ)	1.572.000	457.000	356.000
3. Điện sử dụng vào sinh hoạt (theo công tơ)	560.800	349.400	175.000
4. Điện sử dụng của nhà máy A (4 = 1-2-3)	5.723.200	1.343.600	2.919.000

### III. GIÁ BÁN LẺ ĐIỆN THEO ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG

#### 1. Giá bán điện cho sản xuất

##### 1.1. Giá bán điện cho các ngành sản xuất

Áp dụng đối với tất cả các Bên mua điện để sử dụng vào sản xuất thuộc các ngành sau:

- Công nghiệp (kể cả luyện thép, fero, clindon; sản xuất xút, u rê, quặng tuyển apatit, phốt pho vàng);

- Xây dựng; Giao thông vận tải; Khai thác mỏ; Lâm nghiệp; Thủy hải sản;

- Nông nghiệp: trồng trọt (kể cả điện phục vụ cho tưới cây công nghiệp, cây ăn quả ở những diện tích không thu thủy lợi phí, thấp sáng kích thích cây ăn quả cho năng suất cao); chăn nuôi gia súc, thủy hải sản và các loại chăn nuôi khác; sản xuất thuốc bảo quản và chống dịch bệnh;

- Sản xuất nước sạch (kể cả điện sử dụng tại văn phòng kinh doanh nước sạch) cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng sinh hoạt, sản xuất kinh doanh.

Trường hợp Bên mua điện là tổ chức, cá nhân sản xuất nước sạch ở thôn xã để bán cho các hộ tiêu dùng, nếu dùng điện sau công tơ tổng thì tính theo giá mục đích khác của giá bán buôn cho nông

thôn, nếu sử dụng điện theo hợp đồng riêng thì tính theo giá bán điện cho sản xuất.

- Văn phòng các tập đoàn, tổng công ty, công ty quản lý sản xuất kinh doanh;

- Các kho chứa hàng hóa (thành phẩm, bán thành phẩm) đang trong quá trình sản xuất;

- Các doanh nghiệp hoạt động công ích;

- Bơm thoát nước, bơm tiêu úng, xử lý nước thải của thành phố, thị xã;

- Các trạm thu phát sóng thuộc các công ty bưu chính, viễn thông;

- Các hoạt động sản xuất khác.

##### 1.2. Giá bán điện cho bơm nước tưới tiêu

Giá bán điện cho bơm nước tưới tiêu áp dụng đối với các Bên mua điện sử dụng vào mục đích bơm nước tưới tiêu phục vụ sản xuất lúa, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày xen canh (đay, cói, lạc, đỗ...), giống lúa, cây ăn quả, giống cây ăn quả có thu thủy lợi phí, kể cả điện sử dụng tại văn phòng các cơ quan làm nhiệm vụ quản lý, khai thác các công trình thủy lợi hoặc Bên mua điện được cơ quan quản lý khai thác các công trình thủy lợi xác nhận sử dụng điện vào mục đích bơm nước tưới tiêu phục vụ sản xuất lúa, cây công nghiệp ngắn ngày xen canh.

## 2. Giá bán điện cho các cơ quan hành chính sự nghiệp

### 2.1. Giá bán điện cho cơ quan hành chính sự nghiệp

Giá bán điện cho cơ quan hành chính sự nghiệp áp dụng đối với Bên mua điện là:

- Các cơ quan hành chính nhà nước; đơn vị sự nghiệp; đơn vị lực lượng vũ trang; tổ chức chính trị; chính trị - xã hội; các hội nghề nghiệp;
- Các đại sứ quán, cơ quan ngoại giao, văn phòng đại diện của các tổ chức quốc tế (không quản lý kinh doanh);
- Các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, báo chí, thể dục thể thao (kể cả bể bơi, sân quần vợt...); đài phát thanh, truyền hình; các nhà hát, công ty biểu diễn; công ty và rạp chiếu bóng, rạp xiếc, nhà văn hóa, thông tin, nhà thi đấu thể thao; viện bảo tàng, nhà lưu niệm, triển lãm, nhà tang lễ, đài hóa thân;
- Phần được cấp kinh phí từ ngân sách của hội chợ, ban quản lý chợ; phần được cấp kinh phí từ ngân sách của các nhà khách, nhà nghỉ thuộc các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp. Bên mua điện phải cung cấp những văn bản pháp lý về sử dụng kinh phí ngân sách để làm cơ sở xác định tính giá theo tỷ lệ;

*Ví dụ:* Nhà khách A là đơn vị thuộc một cơ quan Chính phủ thì điện năng sử dụng đối với phần hoạt động được cấp kinh phí từ cơ quan Chính phủ tính theo giá bán điện cho cơ quan hành chính sự nghiệp, đối với phần hoạt động kinh doanh tính theo giá kinh doanh, dịch vụ.

- Các cơ quan bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội;

- Các cơ quan nghiên cứu, thiết kế, quy hoạch; dạy nghề, dạy học (trừ các đối tượng được nêu ở điểm 2.2 mục 2 Phần III của Thông tư này);

- Các tổ chức, cơ quan phát hành sách, báo Trung ương và địa phương (kể cả các cửa hàng), cung cấp thiết bị trường học, thiết bị y tế (kể cả các cửa hàng), các tổ chức hoạt động từ thiện của người nước ngoài;

- Các cơ sở tư vấn (trừ các đối tượng nêu tại điểm 2.2 mục 2 Phần III của Thông tư này);

- Các kho dự trữ được cấp có thẩm quyền quy định chức năng dự trữ quốc gia thuộc và không thuộc Cục Dự trữ quốc gia;

- Ngân hàng chính sách xã hội hoạt động phi lợi nhuận;

- Các ban quản lý dự án;

- Các hoạt động sản xuất hàng hóa của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp tính theo giá bán điện cho sản xuất; các

hoạt động kinh doanh, dịch vụ của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp tính theo giá bán điện cho kinh doanh.

2.2. Giá bán điện cho bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo và trường phổ thông

Áp dụng cho các đối tượng sau:

- Nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường phổ thông các cấp: tiểu học, trung học cơ sở, phổ thông trung học, trung tâm giáo dục thường xuyên (phần dạy văn hóa phổ thông), trường dân tộc nội trú thuộc mọi loại hình công lập, bán công và dân lập;

- Các bệnh viện (kể cả phần sản lượng điện sử dụng cho nhà tang lễ và đốt rác thải y tế của bệnh viện), cơ sở khám, chữa bệnh (kể cả phần sản lượng điện sử dụng cho khám, chữa bệnh của trung tâm y tế dự phòng), cơ sở điều dưỡng, phục hồi chức năng, điều trị bệnh nghề nghiệp, cơ sở cai nghiện ma túy; văn phòng tư vấn cai nghiện ma túy, HIV, sinh đẻ có kế hoạch;

Các cơ sở này phải có quyết định thành lập hoặc có giấy phép hành nghề của cấp có thẩm quyền. Trường hợp không có quyết định thành lập hoặc giấy phép hành nghề của cấp có thẩm quyền thì tính theo giá kinh doanh dịch vụ.

2.3. Giá bán điện cho chiếu sáng công cộng

Áp dụng đối với Bên mua điện sử dụng vào mục đích chiếu sáng công cộng đường phố; công viên; ngõ xóm; đền; chùa; nhà thờ; di tích lịch sử đã được xếp hạng; nghĩa trang liệt sĩ; khu tập thể hoặc cầu thang nhà tập thể; thang máy khu chung cư; bơm nước phục vụ sinh hoạt tại khu tập thể cụm dân cư.

### 3. Giá bán lẻ điện tiêu dùng sinh hoạt bậc thang

3.1. Giá bán lẻ điện tiêu dùng sinh hoạt bậc thang áp dụng với các hộ gia đình sử dụng điện cho nhu cầu sinh hoạt có hợp đồng mua bán điện trực tiếp với Bên bán điện.

Ví dụ cách tính tiền điện hàng tháng:

Trường hợp 1: Bên mua điện trong tháng sử dụng 60 kWh.

Số tiền Bên mua điện phải trả là 36.300 đ, trong đó:

+ Tiền điện 60 kWh x 550 đ/kWh = 33.000 đ

+ Thuế giá trị gia tăng (10%) = 3.300đ

Trường hợp 2: Bên mua điện trong tháng sử dụng 500 kWh

Số tiền Bên mua điện phải trả là 763.400 đ, trong đó:

- 100 kWh đầu tiên:	$100 \text{ kWh} \times 550 \text{ đ/kWh} = 55.000 \text{ đ}$
- 50 kWh tiếp theo:	$50 \text{ kWh} \times 1.110 \text{ đ/kWh} = 55.500 \text{ đ}$
- 50 kWh tiếp theo:	$50 \text{ kWh} \times 1.470 \text{ đ/kWh} = 73.500 \text{ đ}$
- 100 kWh tiếp theo:	$100 \text{ kWh} \times 1.600 \text{ đ/kWh} = 160.000 \text{ đ}$
- 100 kWh tiếp theo:	$100 \text{ kWh} \times 1.720 \text{ đ/kWh} = 172.000 \text{ đ}$
- 100 kWh tiếp theo:	$100 \text{ kWh} \times 1.780 \text{ đ/kWh} = 178.000 \text{ đ}$
<hr/>	
Tổng cộng tiền điện = 694.000 đ	
Thuế GTGT 10% = 69.400 đ	

3.2. Bên mua điện có các hộ sử dụng điện dùng chung công tơ (có hộ khẩu riêng) cần yêu cầu Bên bán điện lắp đặt công tơ riêng cho từng hộ sử dụng để ký hợp đồng mua bán điện trực tiếp.

Trong khi Bên bán điện chưa lắp đặt được công tơ riêng cho từng hộ sử dụng, tạm thời áp dụng như sau: Bên mua điện gồm dưới 10 hộ sử dụng điện đối với thị xã, thị trấn, huyện lỵ, ngoại thành các thành phố và dưới 15 hộ sử dụng điện đối với nội thành các thành phố thì áp dụng giá điện bậc thang cho các hộ sử dụng theo nguyên tắc mức bậc thang chung của Bên mua điện bằng mức điện năng tối đa của từng bậc thang quy định trong biểu giá điện nhân với số hộ sử dụng điện dùng chung công tơ.

*Ví dụ:* Bên mua điện gồm 4 hộ sử dụng điện mua điện qua một công tơ đo đếm điện, mức bậc thang giá bán lẻ điện sinh hoạt tính như sau:

- 100 kWh x 4 hộ = 400 kWh đầu tiên tính giá 550 đ/kWh

- 50 kWh x 4 hộ = 200 kWh tiếp theo tính giá 1.110 đ/kWh

- 50 kWh x 4 hộ = 200 kWh tiếp theo tính giá 1.470 đ/kWh

- 100 kWh x 4 hộ = 400 kWh tiếp theo tính giá 1.600 đ/kWh

- 100 kWh x 4 hộ = 400 kWh tiếp theo tính giá 1.720 đ/kWh

- Từ kWh thứ 1.601 trở lên tính theo giá 1.780 đ/kWh

3.3. Bên mua điện gồm một hộ sử dụng điện có nhiều hợp đồng mua bán điện sinh hoạt (mỗi hợp đồng được lắp một công tơ riêng) sử dụng điện vào mục đích sinh hoạt tại một địa điểm thì sản lượng để tính giá điện sinh hoạt bậc thang là tổng sản lượng điện ghi được ở các công tơ tại địa điểm của hộ đó.

3.4. Trường hợp Bên mua điện ký hợp đồng mua điện phục vụ sinh hoạt theo giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc thang, có hoạt động khác (sản xuất, kinh doanh...) dùng chung qua công tơ điện sinh hoạt: nếu tháng nào sản lượng điện đo đếm được tại công tơ nhỏ hơn hoặc



bằng 50 kWh/hộ (có hộ khẩu riêng) thì tính giá điện sinh hoạt bậc thang; nếu lớn hơn 50 kWh/hộ thì tính giá cho từng mục đích sử dụng điện theo tỷ lệ được thể hiện trong hợp đồng.

*Ví dụ:* Bên mua điện ký hợp đồng mua điện phục vụ sinh hoạt theo giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc thang có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ dùng chung qua công tơ đo đếm điện sinh hoạt. Trong hợp đồng thống nhất giữa hai bên mua bán điện có tỷ lệ điện sinh hoạt là 80%, điện sản xuất là 10% và điện kinh doanh là 10%:

+ Nếu trong tháng hộ này sử dụng 45 kWh/tháng thì tính 100% giá điện sinh hoạt ở bậc thang 100 kWh đầu tiên giá 550 đ/kWh.

+ Nếu trong tháng hộ này sử dụng 150 kWh thì tính giá như sau:

- Sản lượng điện tính giá sinh hoạt bậc thang 120 kWh (150 kWh x 80%)

+ 100 kWh đầu tiên giá 550 đ/kWh

+ 20 kWh tiếp theo giá 1.110 đ/kWh

- Sản lượng điện tính giá sản xuất 15 kWh (150 kWh x 10%);

- Sản lượng tính giá kinh doanh 15 kWh (150 kWh x 10%);

3.5. Các khách hàng mua điện qua máy biến áp riêng sử dụng vào mục đích sinh hoạt thì tính giá điện theo giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc thang.

3.6. Việc ký hợp đồng mua điện đối với người thuê nhà để sử dụng vào mục đích sinh hoạt thực hiện như sau:

a) Tại mỗi địa chỉ nhà thuê (theo giấy tờ sở hữu nhà của bên cho thuê), Bên bán điện chỉ ký một hợp đồng mua bán điện duy nhất. Việc ký hợp đồng được thực hiện ba bên giữa Bên bán điện với người trực tiếp ký hợp đồng thuê nhà hoặc đại diện của những người thuê nhà (trong trường hợp có nhiều người cùng ký hợp đồng thuê nhà tại cùng một địa điểm) và chủ nhà cho thuê. Trong trường hợp người thuê nhà không thực hiện thanh toán tiền điện đúng hạn với bất kỳ lý do nào, chủ nhà cho thuê có trách nhiệm thay người thuê nhà thanh toán tiền điện.

b) Trong trường hợp tại địa chỉ nhà cho thuê đã có hợp đồng mua bán điện (do bên cho thuê nhà hoặc người thuê nhà trước ký hợp đồng), Bên bán điện chỉ tiến hành ký hợp đồng mua bán điện mới sau khi đã thanh lý hợp đồng mua bán điện cũ.

c) Trường hợp sinh viên và người lao động thuê nhà để ở (có thời hạn thuê từ 12 tháng trở lên) mà chủ nhà là Bên mua điện ký hợp đồng mua bán điện với Bên bán điện thì cứ 4 người (căn cứ vào giấy đăng ký tạm trú và hợp đồng thuê nhà có xác nhận của địa phương) tính là một hộ sử dụng điện áp dụng giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc thang.

3.7. Trong trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc Bên bán điện phải dịch chuyển thời điểm ghi chỉ số công tơ thì định mức sử dụng điện của từng bậc thang giá điện sinh hoạt được điều chỉnh tương ứng với số ngày dịch chuyển.

#### 4. Giá bán điện cho kinh doanh

Giá bán điện cho kinh doanh áp dụng với các đối tượng sử dụng điện cho mục đích kinh doanh, dịch vụ bao gồm:

a) Các doanh nghiệp, cửa hàng, siêu thị, cơ sở kinh doanh thương nghiệp bán buôn, bán lẻ vật tư, hàng hóa kể cả các cửa hàng bán thuốc trừ sâu, thuốc thú y, giống cây, con;

b) Các cơ sở kinh doanh tiền tệ, chứng khoán gồm ngân hàng thương mại, quỹ tiết kiệm, công ty tài chính, công ty chứng khoán;

c) Công ty truyền hình cáp, truyền hình số mặt đất;

d) Công ty xổ số thuộc tất cả các thành phần kinh tế;

đ) Các tổ chức hoạt động bảo hiểm (trừ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế);

e) Cơ sở du lịch, cửa hàng nhiếp ảnh, vũ trường, cửa hàng karaoke, massage;

g) Cửa hàng ăn uống, giải khát, uốn tóc, giặt là, may đo, rửa ô tô, xe máy;

h) Hoạt động quảng cáo (kể cả quảng cáo của các đài truyền hình) theo nhu cầu hoạt động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

i) Cửa hàng sửa chữa, tân trang ô tô, xe máy, phương tiện vận tải và hàng tiêu dùng;

k) Khách sạn, nhà trọ, nhà nghỉ, nhà khách của các tổ chức, cá nhân; nhà cho thuê để ở hoặc làm văn phòng do chủ nhà ký hợp đồng mua điện;

l) Điện dùng ở phòng bán vé, trạm giao nhận hàng, phòng đợi (kể cả sảnh chờ) cửa hàng, quầy bán hàng hóa thuộc các sân bay, nhà ga, bến xe, bến cảng;

m) Điện dùng ở các trạm thu phí giao thông, điểm trông giữ xe ô tô;

n) Điện dùng ở các kho chứa hàng hóa trong quá trình lưu thông;

o) Văn phòng, trụ sở các tập đoàn, tổng công ty và các công ty trực tiếp quản lý kinh doanh, dịch vụ;

p) Các văn phòng, trung tâm dịch vụ khách hàng;

q) Các tổ chức, cá nhân vừa sử dụng điện vào sản xuất, vừa sử dụng điện vào kinh doanh trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông thì tính giá mua điện như sau:

+ Bưu điện các tỉnh Bắc Kạn, Cao Bằng, Điện Biên, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Hà Giang, Hà Tĩnh, Kon Tum, Lạng Sơn, Lào Cai, Lai Châu, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Sơn La, Tuyên Quang, Thanh Hóa, Yên Bái:

\* 97% sản lượng điện theo giá sản xuất.

\* 3% sản lượng điện theo giá kinh doanh.

+ Bruu điện các tỉnh thành phố Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Đà Nẵng, Hà Nội, Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh và các đơn vị kinh doanh buu chính, viễn thông khác:

\* 70% sản lượng điện sử dụng theo giá sản xuất.

\* 30% sản lượng điện sử dụng theo giá kinh doanh.

+ Bruu điện các tỉnh còn lại, các công ty viễn thông liên tỉnh và Công ty Tem:

\* 90% sản lượng điện sử dụng theo giá sản xuất.

\* 10% sản lượng điện sử dụng theo giá kinh doanh.

#### IV. GIÁ BÁN ĐIỆN CHO NÔNG THÔN

##### 1. Giá bán buu điện nông thôn

1.1. Giá bán buu điện phục vụ cho sinh hoạt nông thôn

Áp dụng đối với sản lượng điện sử dụng vào mục đích sinh hoạt của các hộ sử dụng điện tại xã, hợp tác xã, thôn, xóm, mua điện theo công tơ tổng đặt tại trạm biến áp, không phân biệt trạm biến áp của Bên mua điện hay Bên bán điện, không phân biệt cấp điện áp.

1.2. Giá bán buu điện phục vụ cho các mục đích khác

Áp dụng đối với lượng điện sử dụng ngoài mục đích sinh hoạt và bơm nước tưới tiêu phục vụ sản xuất lúa, rau màu và cây công nghiệp ngắn ngày xen canh.

1.3. Sản lượng điện tính theo mỗi loại giá (sinh hoạt, bơm nước, mục đích khác) là sản lượng điện tính toán được từ hệ thống đo đếm điện đặt tại mỗi trạm biến áp.

1.4. Trường hợp không có công tơ điện riêng cho từng mục đích sử dụng điện thì:

a) Bên mua điện và Bên bán điện căn cứ vào tình hình thực tế sử dụng điện để xác định tỷ lệ sử dụng điện cụ thể cho mỗi mục đích sử dụng để làm căn cứ áp giá điện. Việc xác định tỷ lệ sử dụng điện cho từng mục đích như sau:

+ Trước ngày mùng mười hàng tháng, Bên mua điện có trách nhiệm cung cấp cho Bên bán điện danh sách và sản lượng điện bán trực tiếp cho các hộ sử dụng vào mục đích sinh hoạt và các mục đích khác của tháng trước. Căn cứ vào bảng danh sách và sản lượng điện bán trực tiếp theo mục đích sử dụng đến khách hàng sử dụng điện của tháng trước do Bên mua điện cung cấp, Bên bán điện và Bên mua điện cùng nhau xác định tỷ lệ sản lượng điện theo từng

mục đích sử dụng để làm cơ sở áp giá bán điện cho tháng tiếp theo.

+ Trường hợp bên mua buôn điện để bán lẻ không cung cấp danh sách và sản lượng điện bán trực tiếp theo quy định (mà không có lý do chính đáng) thì Bên bán điện được quyền tính giá điện theo giá mục đích khác cho 100% phần sản lượng điện bán.

+ Trong trường hợp cần thiết và với những hộ gia đình sử dụng điện sinh hoạt có sản lượng trên 100 kWh/tháng (theo danh sách do Bên mua điện cung cấp), Bên bán điện có quyền và Bên mua điện có trách nhiệm phối hợp với Bên bán điện tiến hành kiểm tra việc sử dụng điện để đảm bảo việc sử dụng điện tiết kiệm và theo đúng mục đích sử dụng. Trong trường hợp chứng minh được có việc sử dụng điện ngoài mục đích sinh hoạt gia đình (như sử dụng vào sản xuất nhỏ, kinh doanh dịch vụ) thì Bên bán điện có quyền xác định lại tỷ lệ sử dụng điện theo từng mục đích để đảm bảo việc áp giá bán buôn điện được chính xác theo đúng mục đích sử dụng.

b) Nếu Bên mua điện và Bên bán điện không thống nhất được tỷ lệ điện cụ thể theo từng mục đích sử dụng thì báo cáo Sở công nghiệp địa phương xem xét giải quyết. Trong trường hợp cần thiết, Sở công nghiệp phối hợp với Sở Tài chính xem xét quyết định tỷ lệ

sử dụng điện cụ thể cho mỗi loại giá làm căn cứ để hai bên đưa vào hợp đồng mua bán điện.

1.5. Giá bán điện áp dụng đối với sản lượng điện sử dụng vào bơm nước tưới tiêu phục vụ sản xuất lúa, rau màu và cây công nghiệp ngắn ngày xen canh theo tỷ lệ tại công tơ tổng là giá bán điện bơm nước tưới tiêu giờ bình thường.

1.6. Trường hợp Bên mua điện có tỷ trọng sử dụng điện vào mục đích khác (sản xuất, kinh doanh...) từ 50% trở lên tính cho một công tơ thì tính theo giá điện cho sản xuất với cấp điện áp tương ứng quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 276/2006/QĐ-TTg trừ lùi 10%.

*Ví dụ 1:* Bên mua điện có công tơ điện đặt tại trạm biến áp có cấp điện áp 6 kV, cấp điện sinh hoạt cho 100 hộ dân nông thôn chiếm 45% sản lượng, bơm nước tưới tiêu chiếm 5% sản lượng và điện phục vụ cho mục đích khác chiếm 50% sản lượng tính theo giá như sau:

+ 45% sản lượng điện tính theo giá bán buôn điện sinh hoạt nông thôn 390 đ/kWh.

+ 5% sản lượng điện tính theo giá bơm nước theo giờ bình thường 600 đ/kWh.

+ 50% sản lượng điện tính theo giá bán điện cho sản xuất trừ lùi 10% là 774 đ/kWh ( $860 \times 0,9 = 774$ ).

Ví dụ 2: Bên mua điện có công tơ điện đặt tại trạm biến áp có cấp điện áp 6 kV, cấp điện cho sinh hoạt của 100 hộ dân nông thôn chiếm 55% sản lượng, bơm nước tưới tiêu chiếm 5% sản lượng và điện phục vụ cho mục đích khác chiếm 40% sản lượng tính theo giá như sau:

+ 55% sản lượng điện áp giá bán buôn điện sinh hoạt nông thôn 390 đ/kWh.

+ 5% sản lượng điện tính theo giá bơm nước theo giờ bình thường 600 đ/kWh.

+ 40% sản lượng điện tính theo giá bán điện cho mục đích khác 795 đ/kWh.

1.7. Trường hợp một trạm biến áp có xuất tuyến riêng cho các xã, hợp tác xã, thôn, xóm khác để được hưởng giá bán buôn thì cần bảo đảm điều kiện công tơ đo đếm điện tổng đặt tại trạm biến áp.

1.8. Trường hợp các trạm biến áp của nông trường, lâm trường vừa cấp điện cho cán bộ công nhân viên nông, lâm trường vừa cấp điện cho nông dân theo từng tuyến không thực hiện được việc đo đếm riêng của từng đối tượng tính giá như sau:

- Phần sản lượng điện cấp cho khu tập thể cán bộ công nhân viên tính theo giá bán buôn cho khu tập thể, cụm dân cư.

- Phần sản lượng điện cấp cho nông dân tính theo giá bán buôn điện nông thôn.

1.9. Trường hợp các trạm biến áp của nông trường, lâm trường vừa cấp điện cho cán bộ công nhân viên nông, lâm trường vừa cấp điện cho nông dân ở xen kẽ nhau không xác định được đối tượng cụ thể thì tính theo giá bán buôn điện sinh hoạt nông thôn đối với điện sinh hoạt; đối với điện sử dụng của mục đích khác tính theo giá bán buôn cho mục đích khác của khu tập thể cụm dân cư.

## 2. Giá bán lẻ điện nông thôn

2.1. Giá bán lẻ điện ở nông thôn, miền núi, hải đảo thực hiện theo biểu giá bán lẻ điện quy định tại Quyết định 276/2006/QĐ-TTg và theo hướng dẫn tại Phần I, II và III của Thông tư này trừ các trường hợp quy định tại điểm 2.2 và 2.3 mục này.

2.2. Giá bán lẻ điện sinh hoạt nông thôn do tổ chức quản lý điện nông thôn mua buôn điện năng thông qua hệ thống điện quốc gia theo giá bán buôn điện nông thôn để bán trực tiếp cho khách hàng sử dụng điện tại khu vực mà việc đầu tư hoạt động điện lực không có hiệu quả kinh tế do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định nhưng không vượt quá mức giá trần điện sinh hoạt nông thôn quy định tại khoản b Điều 3 Quyết định 276/2006/QĐ-TTg.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm đảm bảo cho các đơn vị điện lực

hoạt động tại khu vực mà việc đầu tư và hoạt động điện lực không có hiệu quả kinh tế được hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định của Luật Điện lực.

2.3. Giá bán lẻ điện do các đơn vị phát điện độc lập bán trực tiếp cho khách hàng sử dụng điện ở nông thôn, miền núi, hải đảo do Bên bán điện xây dựng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt nhưng không vượt ngoài khung giá bán lẻ điện quy định tại khoản c Điều 3 Quyết định 276/2006/QĐ-TTg.

2.4. Tại các khu vực mà giá bán lẻ điện sinh hoạt do các tổ chức quản lý điện nông thôn mua buôn điện năng thông qua hệ thống điện quốc gia để bán trực tiếp cho khách hàng sử dụng điện hiện còn cao hơn mức giá trần điện sinh hoạt nông thôn quy định tại Quyết định 276/2006/QĐ-TTg, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các sở ban ngành địa phương, các tổ chức quản lý điện nông thôn tiếp tục thực hiện các biện pháp cần thiết để giảm chi phí, giảm tổn thất nhằm đưa mức giá bán điện xuống dưới mức giá trần điện sinh hoạt nông thôn.

## V. GIÁ BÁN ĐIỆN CHO KHU TẬP THỂ, CỤM DÂN CƯ

### 1. Giá bán buôn điện cho khu tập thể, cụm dân cư

1.1. Giá bán buôn điện phục vụ sinh hoạt cho khu tập thể, cụm dân cư áp dụng đối với sản lượng điện phục vụ sinh hoạt của các đối tượng sau:

a) Cụm dân cư, các khu tập thể của cơ quan (kể cả cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế), xí nghiệp, nhà máy, công trường, nông trường, lâm trường, trạm, trại... mà Bên mua điện gồm từ 10 hộ sử dụng điện trở lên đối với: thôn, xóm, xã (không đủ điều kiện bán buôn nông thôn); thị xã, thị trấn, huyện lỵ, ngoại thành các thành phố và từ 15 hộ sử dụng điện trở lên đối với thành phố.

b) Nhà ở tập thể của học sinh, sinh viên, cơ quan, xí nghiệp, lực lượng vũ trang, cơ sở dưỡng lão, người tàn tật, trại trẻ mồ côi...

c) Nhà ở của người tu hành ở đền, chùa, nhà thờ....

1.2. Giá bán buôn điện cho các mục đích khác áp dụng đối với lượng điện sử dụng ngoài mục đích sinh hoạt.

1.3. Giá bán buôn điện cho khu tập thể, cụm dân cư chỉ áp dụng cho những nơi mà Bên bán điện chưa có điều kiện bán lẻ đến hộ dân tiêu dùng.

1.4. Những nơi Bên bán điện có điều kiện bán lẻ đến tận hộ tiêu dùng điện mà khách hàng không đồng ý để Bên bán điện bán lẻ đến hộ tiêu dùng điện thì Bên bán điện được phép áp dụng giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc thang nhân

theo số hộ sử dụng điện thực tế như hướng dẫn tại mục 3.2 Phần III của Thông tư này.

## **2. Giá bán lẻ điện cho khu tập thể, cụm dân cư**

Giá bán lẻ điện mà tổ chức quản lý điện (đại diện ban quản lý khu tập thể, cụm dân cư hoặc tổ chức quản lý kinh doanh điện độc lập) ký hợp đồng mua bán điện từ Bên bán điện tại công tơ tổng theo giá bán buôn điện cho khu tập thể, cụm dân cư để bán lại cho khách hàng sử dụng điện áp dụng theo biểu giá bán lẻ điện quy định tại Quyết định 276/2006/QĐ-TTg và hướng dẫn tại Thông tư này.

## **VI. GIÁ BÁN ĐIỆN CHO KHU CÔNG NGHIỆP**

### **1. Giá bán buôn điện cho khu công nghiệp**

1.1. Giá mua bán điện giữa Ban quản lý khu công nghiệp và Bên bán điện do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện có thời hạn nhưng không vượt ngoài khung giá bán buôn điện do Bộ Công nghiệp quy định.

Trong trường hợp chưa có khung giá bán buôn điện, giá mua bán điện giữa Ban quản lý khu công nghiệp và Bên bán điện do hai bên thỏa thuận trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích hợp pháp của cả hai bên.

1.2. Việc đàm phán thỏa thuận giá mua bán buôn điện được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 105/2005/NĐ-CP ngày 17 ngày 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực.

1.3. Trong khi Bên mua và Bên bán điện chưa có thỏa thuận về mức giá mua bán buôn điện, trừ khi có các quy định riêng khác của cấp có thẩm quyền, giá bán buôn điện cho khu công nghiệp được áp dụng như sau:

a) Bên bán điện bán cho Ban quản lý khu công nghiệp tại công tơ tổng theo mức giá bán điện áp dụng cho các ngành sản xuất được quy định tại Quyết định 276/2006/QĐ-TTg, trừ trường hợp Ban quản lý khu công nghiệp mua điện từ Bên bán điện và bán lại điện cho các tổ chức, cá nhân sử dụng điện vào mục đích sản xuất nằm trong khu công nghiệp ở cùng một cấp điện áp.

b) Trong trường hợp Ban quản lý khu công nghiệp mua điện từ Bên bán điện và bán lại điện cho các tổ chức, cá nhân sử dụng điện vào mục đích sản xuất nằm trong khu công nghiệp ở cùng một cấp điện áp:

Bên bán điện bán cho Ban quản lý khu công nghiệp tại công tơ tổng theo mức giá bán điện áp dụng cho các ngành sản xuất quy định tại Quyết định 276/2006/QĐ-TTg trừ lùi 2%. Sản lượng

điện để tính giá trừ lùi căn cứ trên mức sản lượng thực tế sử dụng hàng tháng của khách hàng trong khu công nghiệp mua cùng cấp điện áp mà Ban quản lý khu công nghiệp mua từ bên bán điện.

*Ví dụ:* Ban quản lý khu công nghiệp A mua điện của Bên bán điện ở cấp điện áp 110 kV để bán lại cho các hộ sử dụng điện vào sản xuất nằm trong khu công nghiệp thì:

- Trường hợp Ban quản lý khu công nghiệp A bán điện cho các hộ sản xuất trong khu công nghiệp tại cấp điện áp 6 kV:

Giá Ban quản lý khu công nghiệp A thanh toán với Bên bán điện được tính như sau:

	Giá bán điện (đ/kWh)
- Giờ bình thường	<b>785</b>
- Giờ thấp điểm	<b>425</b>
- Giờ cao điểm	<b>1.590</b>

Ban quản lý khu công nghiệp A bán điện cho các hộ sản xuất trong khu công nghiệp tại cấp điện áp 6 kV như sau:

	Giá bán điện (đ/kWh)
- Giờ bình thường	<b>860</b>
- Giờ thấp điểm	<b>480</b>
- Giờ cao điểm	<b>1.715</b>

- Trường hợp Ban quản lý khu công nghiệp A bán điện cho các hộ sản xuất trong khu công nghiệp tại cấp điện áp 110 kV:

Giá Ban quản lý khu công nghiệp A thanh toán với Bên bán điện được tính như sau:

	Giá bán điện (đ/kWh)
- Giờ bình thường	<b>785 * 98% = 769,3</b>
- Giờ thấp điểm	<b>425 * 98% = 416,5</b>
- Giờ cao điểm	<b>1.590 * 98% = 1.558,2</b>

Ban quản lý khu công nghiệp A bán điện cho các hộ sản xuất trong khu công nghiệp tại cấp điện áp 110 kV như sau:

	Giá bán điện (đ/kWh)
- Giờ bình thường	<b>785</b>
- Giờ thấp điểm	<b>425</b>
- Giờ cao điểm	<b>1.590</b>

## 2. Giá bán lẻ cho khách hàng sử dụng điện trong khu công nghiệp:

Giá bán lẻ cho khách hàng sử dụng điện trong khu công nghiệp thực hiện theo đúng đối tượng và mức giá quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo



Quyết định số 276/2006/QĐ-TTg và hướng dẫn tại Phần I, II và III của Thông tư này.

## VII. HIỆU LỰC THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 (theo ngày có hiệu lực của Quyết định số 276/2006/QĐ-TTg) và được áp dụng trong phạm vi toàn quốc.

2. Thông tư này thay thế Thông tư liên tịch số 01/1999/TT-LT/BVGCP-BCN ngày 10 tháng 02 năm 1999, Thông tư liên tịch số 02/2000/TTLT-BVGCP-BCN ngày 15 tháng 02 năm 2000 của Bộ Công nghiệp và Ban Vật

giá Chính phủ về hướng dẫn thực hiện giá bán điện tiêu dùng sinh hoạt đến hộ dân nông thôn và Thông tư số 01/2005/TT-BCN ngày 07 tháng 01 năm 2005 của Bộ Công nghiệp về hướng dẫn thực hiện giá bán điện.

3. Các đơn vị điện lực có liên quan và khách hàng sử dụng điện trong toàn quốc chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần phản ánh về Bộ Công nghiệp để kịp thời xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG

Châu Huệ Cẩm